



SỞ GD&ĐT TÂY NINH
TRƯỜNG THPT NGUYỄN THÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10A1 NĂM HỌC 2026-2027

HỆ: GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

Tổ hợp 1: Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học

Chuyên đề học tập: Toán, Vật Lý, Hóa học

Stt	Lớp	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Giới tính	Tổng điểm	Ghi chú
1	10A1	Huỳnh Thị Ngọc Huyền	30/11/2011	Nữ	28.75	
2	10A1	Võ Thị Thanh Ngân	13/08/2011	Nữ	28.50	
3	10A1	Nguyễn Huỳnh Khánh Vân	17/03/2011	Nữ	28.25	
4	10A1	Trần Ngọc Thanh Tuyền	12/04/2011	Nữ	28.00	
5	10A1	Nguyễn Phương Vy	07/11/2011	Nữ	28.00	
6	10A1	Võ Phạm Gia Hân	18/02/2011	Nữ	28.00	
7	10A1	Phạm Nguyễn Anh Khoa	06/07/2011	Nam	28.00	
8	10A1	Cao Ngọc Nhã Phương	14/07/2011	Nữ	28.00	
9	10A1	Nguyễn Quỳnh Anh	23/02/2011	Nữ	28.00	
10	10A1	Phan Phương Thảo	20/07/2011	Nữ	27.75	
11	10A1	Đào Ngọc Huỳnh Chi	06/07/2011	Nữ	27.75	
12	10A1	Nguyễn Ngọc Kim Ngân	14/04/2011	Nữ	27.75	
13	10A1	Phạm Nguyễn Anh Thư	02/10/2011	Nữ	27.50	
14	10A1	Bùi Ngọc Lan Thanh	13/05/2011	Nữ	27.50	
15	10A1	Lê Nguyễn Thị Ngọc Diễm	09/03/2011	Nữ	27.50	
16	10A1	Nguyễn Hoàng Bảo Trân	30/03/2011	Nữ	27.50	
17	10A1	Đoàn Mỹ Vân Hạ	21/11/2011	Nữ	27.50	
18	10A1	Trần Ngọc Yến Vy	14/04/2011	Nữ	27.25	
19	10A1	Nguyễn Huỳnh Hồng Ngọc	11/06/2011	Nữ	27.25	
20	10A1	Nguyễn Thị Phương Anh	07/03/2011	Nữ	27.25	
21	10A1	Nguyễn Thái Khôi Nguyên	27/07/2011	Nam	27.25	
22	10A1	Đinh Thị Phương Dung	30/05/2011	Nữ	27.25	
23	10A1	Ngô Nguyễn Ngọc Tuyền	22/04/2011	Nữ	27.00	
24	10A1	Trương Ngọc Bảo Trân	09/08/2011	Nữ	27.00	
25	10A1	Ngô Nguyễn Ngọc Hân	23/11/2011	Nữ	27.00	
26	10A1	Nguyễn Trường Minh Thư	30/01/2011	Nữ	27.00	
27	10A1	Nguyễn Thanh Diệu	21/01/2011	Nữ	27.00	
28	10A1	Phan Thị Thanh Thúy	06/10/2011	Nữ	26.75	
29	10A1	Nguyễn Huỳnh Bảo Ngân	03/09/2011	Nữ	26.75	
30	10A1	Huỳnh Trung Nam	11/07/2011	Nam	26.75	
31	10A1	Nguyễn Thị Như Quỳnh	14/12/2011	Nữ	26.75	
32	10A1	Nguyễn Lê Thiện Tâm	03/07/2011	Nữ	26.75	
33	10A1	Nguyễn Thị Ngọc Thảo	10/08/2011	Nữ	26.75	
34	10A1	Trần Quang Đạt	03/06/2011	Nam	26.75	
35	10A1	Hồ Thúy Kiều	02/07/2011	Nữ	26.50	
36	10A1	Nguyễn Hoàng Khang	09/06/2011	Nam	26.50	
37	10A1	Nguyễn Ngọc Sang Sang	25/10/2011	Nữ	26.50	
38	10A1	Nguyễn Thị Ngọc Mai	24/02/2011	Nữ	26.50	
39	10A1	Trần Ngọc Phụng	18/02/2011	Nữ	26.50	
40	10A1	Nguyễn Gia Huy	30/10/2011	Nam	26.50	
41	10A1	Phan Nguyễn Thùy Trang	26/01/2011	Nữ	26.25	
42	10A1	Trần Thanh Thảo	07/01/2011	Nữ	26.25	
43	10A1	Huỳnh Ngọc Yến Xuân	17/02/2011	Nữ	26.25	
44	10A1	Nguyễn Huỳnh Minh Khang	09/04/2011	Nam	26.25	
45	10A1	Nguyễn Thanh Phương	25/04/2011	Nữ	26.25	

Danh sách có 45 học sinh



DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10A2 NĂM HỌC 2026-2027

HỆ: GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

Tổ hợp 1: Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học

Chuyên đề học tập: Toán, Vật Lý, Hóa học

Stt	Lớp	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Giới tính	Tổng điểm	Ghi chú
1	10A2	Nguyễn Huỳnh Trà Mi	25/12/2011	Nữ		Tuyển thẳng
2	10A2	Nguyễn Ngọc Trà My	29/08/2011	Nữ	26.00	
3	10A2	Đông Quang Bảo	24/10/2011	Nam	26.00	
4	10A2	Trần Thị Bích Tuyền	30/10/2011	Nữ	25.75	
5	10A2	Nguyễn Thị Quỳnh Như	04/10/2011	Nữ	25.75	
6	10A2	Nguyễn Thị Huỳnh Như	06/07/2011	Nữ	25.50	
7	10A2	Hoàng Thụy Hồng Tươi	14/04/2011	Nữ	25.50	
8	10A2	Võ Đăng Khoa	10/06/2011	Nam	25.25	
9	10A2	Nguyễn Minh Khoa	19/01/2011	Nam	25.00	
10	10A2	Lê Thị Đăng Thùy	28/03/2011	Nữ	25.00	
11	10A2	Trần Minh Tiến	26/04/2010	Nam	25.00	
12	10A2	Trần Lê Gia Hân	11/01/2011	Nữ	24.75	
13	10A2	Trương Thị Hồng Ngọc	06/03/2011	Nữ	24.75	
14	10A2	Võ Trung Thiện	12/11/2011	Nam	24.50	
15	10A2	Nguyễn Hoàng Nam	03/03/2011	Nam	24.50	
16	10A2	Hà Phan Minh Tâm	09/07/2011	Nam	24.25	
17	10A2	Võ Hoàng Tuấn	17/03/2011	Nam	24.00	
18	10A2	Đoàn Phạm Tiến Đạt	13/10/2011	Nam	24.00	
19	10A2	Nguyễn Thanh Phong	25/07/2011	Nam	24.00	
20	10A2	Võ Hồng Ngọc	03/03/2011	Nữ	23.75	
21	10A2	Phan Lê Phát Tài	26/01/2011	Nam	23.75	
22	10A2	Nguyễn Văn Đăng	13/08/2011	Nam	23.50	
23	10A2	Trần Đình Sơn	11/06/2011	Nam	23.50	
24	10A2	Đặng Minh Quân	23/11/2011	Nam	23.50	
25	10A2	Võ Trần Khánh Vy	13/09/2011	Nữ	23.25	
26	10A2	Trần Huỳnh Bảo Trân	30/01/2011	Nữ	23.00	
27	10A2	Trương Nguyễn Thành Đạt	05/12/2011	Nam	23.00	
28	10A2	Nguyễn Yến Nhi	01/07/2011	Nữ	23.00	
29	10A2	Trần Thị Yến Nhi	22/02/2011	Nữ	22.75	
30	10A2	Võ Nguyễn Hoàng Khang	02/05/2011	Nam	22.50	
31	10A2	Nguyễn Minh Tiến	23/09/2011	Nam	22.50	
32	10A2	Nguyễn Thành Tiến	27/03/2011	Nam	22.25	
33	10A2	Hồ Gia Huy	27/08/2011	Nam	22.25	
34	10A2	Lê Hoàng Ánh Nhật	06/08/2011	Nữ	22.00	
35	10A2	Nguyễn Đỗ Minh Nguyên	16/09/2011	Nam	21.75	
36	10A2	Nguyễn Thành Danh	18/12/2011	Nam	21.75	
37	10A2	Trần Huỳnh Yến Nhi	16/03/2011	Nữ	21.50	
38	10A2	Võ Thành Đạt	14/12/2011	Nam	21.00	
39	10A2	Lê Đoàn Thị Yến Thy	24/11/2011	Nữ	20.75	
40	10A2	Lại Dương Bảo Nghi	05/06/2011	Nữ	20.58	
41	10A2	Đặng Tấn Sang	11/08/2011	Nam	20.50	
42	10A2	Nguyễn Hữu Nhân	07/09/2011	Nam	20.25	
43	10A2	Huỳnh Thị Ngọc Trâm	28/04/2011	Nữ	20.25	
44	10A2	Nguyễn Ngọc Phước	26/08/2011	Nam	19.25	
45	10A2	Hà Huy Phát	27/07/2011	Nam	18.50	

Danh sách có 45 học sinh



DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10A3 NĂM HỌC 2026-2027

HỆ: GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

Tổ hợp 1: Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học

Chuyên đề học tập: Toán, Vật Lý, Hóa học

Stt	Lớp	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Giới tính	Tổng điểm	Ghi chú
1	10A3	Võ Hoàng Minh Tú	10/06/2011	Nữ	26.00	
2	10A3	Lê Phát Lộc	21/02/2011	Nam	26.00	
3	10A3	Nguyễn Huỳnh Tấn Phát	05/10/2011	Nam	25.75	
4	10A3	Lê Anh Khoa	20/08/2011	Nam	25.75	
5	10A3	Đinh Minh Trí	27/02/2011	Nam	25.50	
6	10A3	Nguyễn Thị Kim Trúc	11/04/2011	Nữ	25.25	
7	10A3	Đoàn Khánh Thy	25/10/2011	Nữ	25.25	
8	10A3	Nguyễn Phan Anh Khoa	06/06/2011	Nam	25.00	
9	10A3	Cù Thanh Thảo Nguyên	29/04/2011	Nữ	25.00	
10	10A3	Trần Phát Đăng Khoa	31/10/2011	Nam	24.75	
11	10A3	Hồ Thị Minh Thi	21/06/2011	Nữ	24.75	
12	10A3	Trần Đức Phước	01/01/2011	Nam	24.75	
13	10A3	Nguyễn Huỳnh Trung Hiếu	10/07/2011	Nam	24.75	
14	10A3	Phạm Hoàng Lộc	06/10/2011	Nam	24.50	
15	10A3	Nguyễn Thị Trúc Nhi	08/01/2011	Nữ	24.25	
16	10A3	Nguyễn Lê Trường Duy	06/07/2011	Nam	24.00	
17	10A3	Bùi Thanh Hiếu	17/09/2011	Nam	24.00	
18	10A3	Nguyễn Ngọc Tường Vy	10/07/2011	Nữ	24.00	
19	10A3	Đoàn Gia Phúc	08/06/2010	Nam	23.75	
20	10A3	Huỳnh Thị Kim Anh	13/03/2011	Nữ	23.75	
21	10A3	Nguyễn Phạm Thảo Linh	05/01/2011	Nữ	23.75	
22	10A3	Nguyễn Trường Thịnh	11/09/2011	Nam	23.50	
23	10A3	Nguyễn Quỳnh Anh Thư	03/11/2011	Nữ	23.50	
24	10A3	Trương Ngọc Bảo Yến	22/12/2011	Nữ	23.25	
25	10A3	Phạm Phúc Hưng	21/07/2011	Nam	23.25	
26	10A3	Nguyễn Lý Gia Khang	11/12/2011	Nam	23.25	
27	10A3	Phạm Trần Tuấn Anh	28/08/2011	Nam	23.00	
28	10A3	Nguyễn Gia Khánh	19/04/2011	Nam	23.00	
29	10A3	Nguyễn Ngọc Kim Ngân	05/04/2011	Nữ	23.00	
30	10A3	Phạm Tuấn Kiệt	08/10/2010	Nam	22.75	
31	10A3	Nguyễn Thị Bảo Quyên	25/11/2011	Nữ	22.50	
32	10A3	Nguyễn Bảo Nam	06/08/2011	Nam	22.50	
33	10A3	Võ Thị Thu Thảo	28/06/2011	Nữ	22.50	
34	10A3	Võ Minh Trí	18/01/2011	Nam	22.25	
35	10A3	Võ Hiền Thiện Phúc	02/11/2011	Nam	22.00	
36	10A3	Nguyễn Khôi Nguyên	02/10/2011	Nam	21.75	
37	10A3	Lê Minh Thắng	22/03/2011	Nam	21.75	
38	10A3	Trương Thị Minh Thư	25/04/2011	Nữ	21.50	
39	10A3	Lê Hiếu Khang	29/04/2011	Nam	21.50	
40	10A3	Nguyễn Thị Diễm Kiều	28/04/2011	Nữ	21.00	
41	10A3	Lê Đức Thịnh	21/01/2011	Nam	20.50	
42	10A3	Nguyễn Ngọc Huyền Trân	05/04/2011	Nữ	20.50	
43	10A3	Phan Tấn Lộc	01/08/2011	Nam	20.25	
44	10A3	Trần Thị Bích Tuyền	28/01/2011	Nữ	20.25	
45	10A3	Trần Ngọc Bảo Trân	18/11/2011	Nữ	18.00	

Danh sách có 45 học sinh



DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10A4 NĂM HỌC 2026-2027

HỆ: GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

Tổ hợp 1: Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học

Chuyên đề học tập: Toán, Vật Lý, Hóa học

Stt	Lớp	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Giới tính	Tổng điểm	Ghi chú
1	10A4	Nguyễn Cát Tiên	20/12/2011	Nữ	26.75	
2	10A4	Huỳnh Tấn Phúc	10/04/2011	Nam	26.00	
3	10A4	Lý Thị Kiều Mai	28/06/2011	Nữ	25.75	
4	10A4	Nguyễn Lê Bảo Ngọc	11/10/2011	Nữ	25.75	
5	10A4	Thạch Hoàng Nhân	09/02/2011	Nam	25.75	
6	10A4	Nguyễn Ngọc Diễm Phúc	28/06/2011	Nữ	25.50	
7	10A4	Nguyễn Trương Hải Thụy	18/07/2011	Nữ	25.25	
8	10A4	Nguyễn Ngọc Tú Quỳnh	26/03/2011	Nữ	25.25	
9	10A4	Đoàn Như Nguyệt	11/11/2011	Nữ	25.00	
10	10A4	Trương Tuấn Khôi	21/07/2011	Nam	24.75	
11	10A4	Trần Nguyễn Mạnh Khang	01/06/2011	Nam	24.75	
12	10A4	Lưu Gia Bảo	09/06/2011	Nam	24.75	
13	10A4	Nguyễn Tuấn An	17/07/2011	Nam	24.50	
14	10A4	Đoàn Công Chí Tài	27/04/2011	Nam	24.50	
15	10A4	Nguyễn Mỹ Hoàng Ni	29/05/2011	Nữ	24.25	
16	10A4	Trần Hoàng Anh Thư	02/08/2011	Nữ	24.00	
17	10A4	Ngô Trọng Phú	03/02/2011	Nam	24.00	
18	10A4	Lê Thành Đại	30/05/2011	Nam	24.00	
19	10A4	Nguyễn Minh Đạt	26/12/2011	Nam	23.75	
20	10A4	Huỳnh Quang Minh	06/03/2011	Nam	23.75	
21	10A4	Trần Nguyễn Đăng Khoa	09/06/2011	Nam	23.50	
22	10A4	Trần Ngọc Minh Thùy	28/10/2011	Nữ	23.50	
23	10A4	Bùi Lê Phúc Hậu	05/03/2011	Nam	23.25	
24	10A4	Nguyễn Văn Bảo Long	26/11/2011	Nam	23.25	
25	10A4	Bùi Lê Minh Hoàn	08/03/2011	Nam	23.00	
26	10A4	Nguyễn Khánh Hưng	25/04/2011	Nam	23.00	
27	10A4	Trần Khởi My	13/12/2011	Nữ	23.00	
28	10A4	Trần Thanh Phú	06/09/2011	Nam	22.75	
29	10A4	Lê Phát Gia Bảo	15/11/2011	Nam	22.50	
30	10A4	Lương Khánh An	31/10/2011	Nữ	22.25	
31	10A4	Trần Hoài Nam	03/12/2011	Nam	22.25	
32	10A4	Võ Thị Kim Ngân	25/09/2011	Nữ	22.00	
33	10A4	Đặng Hoài Anh	12/09/2011	Nữ	21.75	
34	10A4	Võ Minh Hiền	20/06/2011	Nam	21.75	
35	10A4	Trần Thái Phước	13/12/2011	Nam	21.50	
36	10A4	Trần Thị Kim Xuân	15/09/2011	Nữ	21.50	
37	10A4	Bùi Thị Thanh Nhi	13/01/2011	Nữ	21.00	
38	10A4	Trương Nguyễn Minh An	21/06/2011	Nam	20.75	
39	10A4	Dương Hà Trọng Luân	03/10/2011	Nam	20.50	
40	10A4	Nguyễn Hoàng Gia Phát	25/04/2011	Nam	20.50	
41	10A4	Võ Hoàng Khang	04/06/2011	Nam	20.00	
42	10A4	Đặng Quốc Cường	17/08/2011	Nam	19.25	
43	10A4	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	11/08/2011	Nữ	17.25	
44	10A4	Trần Hoàng Phúc	29/09/2010	Nam	14.25	

Danh sách có 44 học sinh



DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10A5 NĂM HỌC 2026-2027

HỆ: GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

Tổ hợp 1: Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học

Chuyên đề học tập: Toán, Vật Lý, Hóa học

Stt	Lớp	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Giới tính	Tổng điểm	Ghi chú
1	10A5	Lưu Thành Nam	23/12/2011	Nam	26.00	
2	10A5	Lê Thị Diễm Trang	17/06/2011	Nữ	25.75	
3	10A5	Huỳnh Nguyễn Ngọc Giàu	07/07/2011	Nữ	25.75	
4	10A5	Bùi Văn Minh Phát	25/06/2011	Nam	25.75	
5	10A5	Lê Thị Trà My	27/09/2011	Nữ	25.50	
6	10A5	Võ Tuấn Kiệt	28/10/2011	Nam	25.25	
7	10A5	Trần Ngọc Minh Châu	22/08/2011	Nữ	25.25	
8	10A5	Huỳnh Thị Quế Trâm	18/07/2011	Nữ	25.00	
9	10A5	Đỗ Thanh Ngọc	31/05/2011	Nữ	25.00	
10	10A5	Huỳnh Nhật Hữu	08/08/2011	Nam	24.75	
11	10A5	Trần Đăng Khoa	25/11/2011	Nam	24.75	
12	10A5	Đỗ Lê Minh Anh	27/11/2011	Nam	24.75	
13	10A5	Phạm Đức Huy	04/09/2011	Nam	24.50	
14	10A5	Lê Tấn Phát	30/06/2011	Nam	24.50	
15	10A5	Mai Ngọc Thảo My	06/06/2011	Nữ	24.25	
16	10A5	Đoàn Nguyễn Ngọc Kim Cương	12/04/2011	Nữ	24.00	
17	10A5	Trần Nguyễn Gia Hân	20/09/2011	Nữ	24.00	
18	10A5	Trương Hoàng Thủy Tiên	04/08/2011	Nữ	23.75	
19	10A5	Ngô Quốc Thắng	29/08/2011	Nam	23.50	
20	10A5	Nguyễn Minh Trí	14/07/2011	Nam	23.50	
21	10A5	Trương Đại Phát	18/12/2011	Nam	23.50	
22	10A5	Huỳnh Khánh Huy	04/06/2011	Nam	23.25	
23	10A5	Lê Trần Thanh Tú	25/08/2011	Nam	23.25	
24	10A5	Trương Đại Thành	05/12/2011	Nam	23.00	
25	10A5	Nguyễn Thị Thùy Dương	29/07/2011	Nữ	22.75	
26	10A5	Phạm Trương Trọng Hiếu	01/05/2011	Nam	22.67	
27	10A5	Nguyễn Minh Khôi	17/07/2011	Nam	22.25	
28	10A5	Phạm Quỳnh Như	21/06/2011	Nữ	22.25	
29	10A5	Huỳnh Như Ý	26/03/2011	Nữ	22.00	
30	10A5	Phan Đoàn Khánh Vy	07/10/2011	Nữ	21.75	
31	10A5	Nguyễn Gia Hưng	19/08/2011	Nam	21.75	
32	10A5	Phạm Bảo Hân	19/08/2011	Nữ	21.50	
33	10A5	Trần Thị Mai Thi	08/09/2011	Nữ	21.00	
34	10A5	Phạm Thị Trà My	25/07/2011	Nữ	21.00	
35	10A5	Trần Tâm Đoàn	23/03/2011	Nữ	20.75	
36	10A5	Phạm Nguyễn Duy Khang	15/08/2011	Nam	20.75	
37	10A5	Nguyễn Trường Xuân	01/01/2011	Nam	20.75	
38	10A5	Lê Ngọc Kiều Ngân	07/11/2011	Nữ	20.50	
39	10A5	Nguyễn Lê Bảo Hưng	13/03/2011	Nam	20.50	
40	10A5	Huỳnh Thị Kim Ngọc	11/09/2011	Nữ	20.25	
41	10A5	Trương Hoàng Phi Long	25/01/2011	Nam	20.25	
42	10A5	Phan Thành Lâm	06/01/2011	Nam	20.00	
43	10A5	Nguyễn Ngọc Hồng Phúc	25/05/2011	Nữ	20.00	
44	10A5	Phan Thùy Dương	08/09/2011	Nữ	17.25	
45	10A5	Bùi Thị Tuyết Nhung	10/11/2011	Nữ	12.25	

Danh sách có 45 học sinh



DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10A6 NĂM HỌC 2026-2027

HỆ: GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

Tổ hợp 2: Vật lý, Hóa học, Sinh học, Công nghệ (thiết kế)

Chuyên đề học tập: Toán, Vật Lý, Hóa học

Stt	Lớp	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Giới tính	Tổng điểm	Ghi chú
1	10A6	Nguyễn Ngọc Gia Bảo	06/04/2011	Nam	26.75	
2	10A6	Nguyễn Ngọc Thảo Nguyên	17/12/2011	Nữ	26.50	
3	10A6	Lê Thị Anh Thư	07/03/2011	Nữ	26.25	
4	10A6	Lê Thị Phương Thanh	10/05/2011	Nữ	26.25	
5	10A6	Huỳnh Nguyễn Ngọc Hân	23/05/2011	Nữ	26.00	
6	10A6	Nguyễn Khánh Nam	04/06/2011	Nam	26.00	
7	10A6	Nguyễn Hoàng Gia Hân	17/11/2011	Nữ	25.75	
8	10A6	Đặng Ngọc Ngân Ngân	01/08/2011	Nữ	25.50	
9	10A6	Lê Ngọc Minh Quyên	10/08/2011	Nữ	25.00	
10	10A6	Lê Ngọc Khánh Như	18/07/2011	Nữ	25.00	
11	10A6	Phan Uyển Nhi	16/04/2011	Nữ	25.00	
12	10A6	Cổ Nguyễn Tấn Lộc	23/01/2011	Nam	24.75	
13	10A6	Huỳnh Ngọc Mai Phương	26/12/2011	Nữ	24.67	
14	10A6	Nguyễn Thị Tường Vy	16/04/2011	Nữ	24.50	
15	10A6	Trần Văn Thắng	18/09/2011	Nam	24.25	
16	10A6	Võ Duy Phúc Thiện	28/10/2011	Nam	24.25	
17	10A6	Wu Cheng Yu	17/08/2011	Nam	24.00	
18	10A6	Trần Diễm Hằng	27/10/2011	Nữ	23.75	
19	10A6	Võ Thị Yến Mi	12/09/2011	Nữ	23.50	
20	10A6	Tạ Minh Khôi	27/01/2011	Nam	23.50	
21	10A6	Võ Ngọc Huỳnh Trâm	17/02/2011	Nữ	23.50	
22	10A6	Huỳnh Đăng Khoa	06/02/2011	Nam	23.25	
23	10A6	Huỳnh Tuấn Khanh	03/01/2011	Nam	23.00	
24	10A6	Bùi Thị Bích Tuyền	09/01/2011	Nữ	22.75	
25	10A6	Lê Ngọc Quỳnh Như	18/07/2011	Nữ	22.50	
26	10A6	Nguyễn Mai Thanh	17/08/2011	Nữ	22.50	
27	10A6	Lưu Xuân Mai	13/03/2011	Nữ	22.50	
28	10A6	Hoàng Thị Thúy Vi	10/06/2011	Nữ	22.50	
29	10A6	Võ Hồng Thi	10/05/2011	Nữ	22.25	
30	10A6	Nguyễn Hải Đăng	24/06/2011	Nam	22.25	
31	10A6	Trần Diệu Thảo	17/03/2011	Nữ	22.00	
32	10A6	Võ Phương Bằng	16/02/2011	Nữ	22.00	
33	10A6	Lê Thiên Kim	25/05/2011	Nữ	22.00	
34	10A6	Lê Quốc Cường	13/06/2011	Nam	22.00	
35	10A6	Đinh Thị Huyền Trang	23/11/2011	Nữ	22.00	
36	10A6	Trần Ngọc Phương Quyên	01/10/2011	Nữ	22.00	
37	10A6	Nguyễn Minh Nhật	19/11/2011	Nam	21.75	
38	10A6	Nguyễn Quý Lợi	02/10/2011	Nam	21.50	
39	10A6	Nguyễn Phú Quý	19/11/2011	Nam	21.50	
40	10A6	Văn Ngọc Bảo Ngân	27/11/2011	Nữ	21.50	
41	10A6	Nguyễn Quỳnh Như	06/07/2011	Nữ	21.25	

Danh sách có 41 học sinh



DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10A7 NĂM HỌC 2026-2027

HỆ: GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

Tổ hợp 2: Vật lý, Hóa học, Sinh học, Công nghệ (thiết kế)

Chuyên đề học tập: Toán, Vật Lý, Hóa học

Stt	Lớp	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Giới tính	Tổng điểm	Ghi chú
1	10A7	Phạm Nguyễn Hoàng An	02/03/2011	Nam	21.00	
2	10A7	Vô Thị Huyền Trân	30/03/2011	Nữ	20.83	
3	10A7	Nguyễn Thị Diễm Quỳnh	21/09/2011	Nữ	20.50	
4	10A7	Trần Quốc Thịnh	24/01/2011	Nam	20.00	
5	10A7	Đặng Nguyễn Kim Thanh	26/02/2011	Nữ	20.00	
6	10A7	Châu Ngọc Thảo Vy	26/11/2011	Nữ	20.00	
7	10A7	Phan Khánh Duy	08/04/2011	Nam	19.75	
8	10A7	Trần Ngọc Nhã Hân	26/10/2011	Nữ	19.25	
9	10A7	Trần Thị Ngọc Hiền	06/09/2011	Nữ	19.00	
10	10A7	Trần Nguyễn Ngọc Bích	17/10/2011	Nữ	19.00	
11	10A7	Nguyễn Đoàn Quốc Bảo	27/11/2011	Nam	18.75	
12	10A7	Lê Tài Quý	06/06/2011	Nam	18.50	
13	10A7	Nguyễn Trương Gia Bảo	12/10/2011	Nam	18.50	
14	10A7	Cao Chí Nhân	24/05/2011	Nam	18.25	
15	10A7	Nguyễn Hoàng Long	17/03/2011	Nam	18.25	
16	10A7	Nguyễn Hà Duy An	16/02/2011	Nam	18.25	
17	10A7	Lê Ngọc Trà An	24/05/2011	Nữ	18.25	
18	10A7	Phan Lê Ngọc Anh	29/03/2011	Nữ	18.00	
19	10A7	Nguyễn Minh Hiếu	22/02/2011	Nam	18.00	
20	10A7	Trương Trọng Nguyễn	02/08/2011	Nam	17.75	
21	10A7	Huỳnh Phúc Khương	20/10/2011	Nam	17.75	
22	10A7	Huỳnh Tấn Sang	20/04/2011	Nam	17.50	
23	10A7	Nguyễn Thanh Hiếu	10/05/2010	Nam	17.25	
24	10A7	Lê Ngọc Hân	28/07/2011	Nữ	17.25	
25	10A7	Lê Trúc Linh	20/04/2011	Nữ	17.25	
26	10A7	Phan Đình Nguyễn	08/05/2011	Nam	17.00	
27	10A7	Trần Thị Phương Nga	24/05/2011	Nữ	16.75	
28	10A7	Nguyễn Ngọc Phương Linh	11/09/2011	Nữ	16.50	
29	10A7	Lượng Kiên Khang	23/09/2011	Nam	16.00	
30	10A7	Lê Nguyễn Anh Thư	29/07/2011	Nữ	15.75	
31	10A7	Lượng Lê Minh Thư	29/09/2011	Nữ	15.75	
32	10A7	Nguyễn Minh Thái	07/07/2011	Nam	15.50	
33	10A7	Nguyễn Thị Bảo Oanh	21/01/2011	Nữ	15.25	
34	10A7	Phạm Hoàng Nhật	27/03/2011	Nam	15.00	
35	10A7	Nguyễn Minh Nhân	05/12/2011	Nam	14.75	
36	10A7	Trần Anh Khoa	24/06/2011	Nam	14.25	
37	10A7	Huỳnh Võ Hoàng Nhi	17/06/2011	Nữ	14.25	
38	10A7	Bùi Trọng Tâm	15/09/2011	Nam	13.25	
39	10A7	Ngô Bùi Ngọc Thanh Giang	23/06/2011	Nam	12.25	
40	10A7	Bùi Duy Trường	08/01/2011	Nam	11.75	
41	10A7	Lê Minh Trí	10/10/2011	Nam	11.00	

Danh sách có 41 học sinh



DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10A8 NĂM HỌC 2026-2027

HỆ: GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

Tổ hợp 2: Vật lý, Hóa học, Sinh học, Công nghệ (thiết kế)

Chuyên đề học tập: Toán, Vật Lý, Hóa học

Stt	Lớp	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Giới tính	Tổng điểm	Ghi chú
1	10A8	Đỗ Thị Thanh Diệu	08/12/2011	Nữ	21.00	
2	10A8	Nguyễn Thanh Nhựt	02/12/2011	Nam	20.75	
3	10A8	Nguyễn Tuấn Khanh	21/02/2011	Nam	20.25	
4	10A8	Trần Lê Trọng Phát	29/11/2011	Nam	20.00	
5	10A8	Trần Thị Mộng Huỳnh	04/05/2011	Nữ	20.00	
6	10A8	Trần Đỗ Hồng Yến	13/10/2011	Nữ	20.00	
7	10A8	Phan Trung Chánh	06/02/2011	Nam	19.75	
8	10A8	Phạm Minh Tiến	27/10/2011	Nam	19.50	
9	10A8	Nguyễn Minh Phương	20/10/2011	Nam	19.25	
10	10A8	Lưu Chí Thành	30/05/2011	Nam	19.25	
11	10A8	Đoàn Thị Ngọc Thư	28/09/2011	Nữ	19.00	
12	10A8	Đoàn Gia Bảo	14/10/2011	Nam	18.75	
13	10A8	Nguyễn Lê Vy	25/11/2011	Nữ	18.75	
14	10A8	Nguyễn Ngọc Hân	16/01/2011	Nữ	18.50	
15	10A8	Nguyễn Thành Lộc	21/10/2011	Nam	18.33	
16	10A8	Phạm Ngọc Minh Anh	26/08/2011	Nữ	18.25	
17	10A8	Trần Nguyễn Thảo Quyên	12/03/2011	Nữ	18.25	
18	10A8	Nguyễn Minh Phúc	11/12/2011	Nam	18.25	
19	10A8	Nguyễn Minh Hưng	29/11/2011	Nam	18.25	
20	10A8	Nguyễn Thị Khánh Lam	27/01/2011	Nữ	18.00	
21	10A8	Châu Ngọc Thanh Vy	19/03/2011	Nữ	18.00	
22	10A8	Trần Hoàng Nghĩa	15/07/2011	Nam	17.75	
23	10A8	Mai Thị Hồng Thắm	02/11/2011	Nữ	17.75	
24	10A8	Trần Châu Bảo Ngọc	30/09/2011	Nữ	17.50	
25	10A8	Đỗ Thị Ngọc Giàu	21/10/2011	Nữ	17.25	
26	10A8	Lê Vũ Ngân Khánh	03/09/2011	Nữ	17.25	
27	10A8	Nguyễn Thành Phúc	20/02/2011	Nam	17.00	
28	10A8	Trần Thị Kim Loan	09/04/2011	Nữ	17.00	
29	10A8	Đặng Huỳnh Nghĩa	22/07/2011	Nam	16.75	
30	10A8	Cao Thanh Ngọc	01/06/2011	Nữ	16.50	
31	10A8	Trần Huỳnh Nguyễn Phương	07/07/2011	Nữ	16.00	
32	10A8	Trần Hoàng Gia Khang	06/06/2011	Nam	15.75	
33	10A8	Nguyễn Tấn Phát	09/03/2011	Nam	15.50	
34	10A8	Đặng Nguyễn Hoàng	11/10/2011	Nam	15.25	
35	10A8	Đinh Gia Bảo	21/07/2011	Nam	15.25	
36	10A8	Huỳnh Mai Phước Thịnh	11/05/2011	Nam	15.00	
37	10A8	Nguyễn Ngọc Hân	21/11/2011	Nữ	14.75	
38	10A8	Trương Thành Tiến Phát	04/01/2011	Nam	14.25	
39	10A8	Trần Thị Tuyết Loan	17/01/2011	Nữ	13.50	
40	10A8	Nguyễn Quốc Anh	18/04/2011	Nam	12.75	
41	10A8	Nguyễn Huỳnh Trọng Nhân	04/08/2011	Nam	12.08	
42	10A8	Phạm Thị Mỹ Ngân	10/11/2011	Nữ	11.75	
43	10A8	Võ Anh Quân	17/10/2011	Nam	11.00	

Danh sách có 43 học sinh



DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10A9 NĂM HỌC 2026-2027

HỆ: GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

Tổ hợp 2: Vật lý, Hóa học, Sinh học, Công nghệ (thiết kế)

Chuyên đề học tập: Toán, Vật Lý, Hóa học

Stt	Lớp	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Giới tính	Tổng điểm	Ghi chú
1	10A9	Nguyễn Trần Ngọc Duy	10/06/2011	Nam	21.00	
2	10A9	Nguyễn Trí Đức	22/10/2011	Nam	20.75	
3	10A9	Vưu Nguyễn Khánh Linh	04/03/2011	Nữ	20.25	
4	10A9	Nguyễn Minh Đạt	15/12/2011	Nam	20.00	
5	10A9	Huỳnh Thị Ngọc Thảo	31/12/2011	Nữ	19.75	
6	10A9	Lê Nguyễn Quốc Bảo	25/05/2011	Nam	19.75	
7	10A9	Châu Nguyễn Bảo Trân	01/04/2011	Nữ	19.75	
8	10A9	Nguyễn Ngọc Vy	09/11/2011	Nữ	19.33	
9	10A9	Huỳnh Duy Khang	05/12/2011	Nam	19.00	
10	10A9	Cù Thị Bảo Thy	23/02/2011	Nữ	18.75	
11	10A9	Lê Hoàng Hải	25/02/2011	Nam	18.50	
12	10A9	Phan Nhất Bảo	11/11/2011	Nam	18.25	
13	10A9	Võ Huy Bình	16/11/2011	Nam	18.25	
14	10A9	Trần Ngọc Kiều Trang	16/11/2011	Nữ	18.25	
15	10A9	Trần Thanh Nhân	09/12/2011	Nam	18.25	
16	10A9	Nguyễn Ngọc Thu Ngân	10/12/2011	Nữ	18.00	
17	10A9	Huỳnh Minh Trí	27/01/2011	Nam	18.00	
18	10A9	Trần Như Ngọc	23/05/2011	Nam	17.75	
19	10A9	Trương Văn Đạt	25/10/2011	Nam	17.75	
20	10A9	Nguyễn Gia Bảo	24/06/2011	Nam	17.50	
21	10A9	Trương Thị Thảo Linh	07/08/2011	Nữ	17.25	
22	10A9	Lê Trọng Khang	28/09/2011	Nam	17.25	
23	10A9	Trần Ngọc Minh Châu	07/09/2011	Nam	17.25	
24	10A9	Trần Thị Huyền Trân	12/03/2011	Nữ	17.00	
25	10A9	Phạm Nguyễn Thanh Hoàng	01/05/2011	Nam	16.75	
26	10A9	Phạm Minh Nhật	15/09/2011	Nam	16.25	
27	10A9	Bùi Tấn Tài	13/09/2011	Nam	16.00	
28	10A9	Nguyễn Lê Khánh Vy	14/06/2011	Nữ	15.75	
29	10A9	Nguyễn Hoàng An	04/04/2011	Nam	15.50	
30	10A9	Trần Cao Phúc Trí	14/08/2011	Nam	15.50	
31	10A9	Nguyễn Thị Bảo Yến	21/01/2011	Nữ	15.25	
32	10A9	Võ Ngọc Ý	22/08/2011	Nữ	15.25	
33	10A9	Phạm Văn Quang Vinh	30/12/2010	Nam	15.00	
34	10A9	Nguyễn Minh Tiến	14/12/2011	Nam	14.25	
35	10A9	Phan Minh Phú	27/11/2011	Nam	14.25	
36	10A9	Phạm Nguyễn Hoàng Minh Nhựt	23/05/2011	Nam	13.50	
37	10A9	Mai Quốc Đạt	18/11/2011	Nam	12.50	
38	10A9	Lê Hà Anh Tuấn	18/12/2011	Nam	12.00	
39	10A9	Lê Thành Đạt	06/09/2010	Nam	11.50	

Danh sách có 39 học sinh



DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10A10 NĂM HỌC 2026-2027

HỆ: GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

Tổ hợp 3: Vật lý, Hóa học, Địa lý, Mỹ thuật

Chuyên đề học tập: Toán, Hóa học, Địa lý

Stt	Lớp	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Giới tính	Tổng điểm	Ghi chú
1	10A10	Nguyễn Ngọc Hà	08/01/2011	Nữ	27.00	
2	10A10	Võ Thị Kim Ngân	24/02/2011	Nữ	26.25	
3	10A10	Huỳnh Ngọc Mai Anh	04/07/2011	Nữ	25.50	
4	10A10	Nguyễn Hoàng Huy	19/06/2011	Nam	24.50	
5	10A10	Nguyễn Thị Thúy Quỳnh	26/12/2011	Nữ	24.25	
6	10A10	Nguyễn Võ Ngọc Thuyền	06/04/2011	Nữ	24.00	
7	10A10	Trần Hoàng Minh Thư	29/10/2011	Nữ	23.25	
8	10A10	Lê Mỹ Hằng	24/05/2011	Nữ	23.00	
9	10A10	Nguyễn Cao Thúy Quỳnh	15/08/2011	Nữ	23.00	
10	10A10	Nguyễn Hồ Mỹ Hiền	05/12/2011	Nữ	22.50	
11	10A10	Nguyễn Đăng Minh Anh	24/04/2011	Nam	22.00	
12	10A10	Nguyễn Hà Yến Như	05/11/2011	Nữ	22.00	
13	10A10	Trần Ngọc Hân	10/04/2011	Nữ	20.25	
14	10A10	Nguyễn Minh Thuận	12/09/2011	Nam	19.50	
15	10A10	Nguyễn Hồ Anh Thơ	08/11/2011	Nữ	19.25	
16	10A10	Nguyễn Thị Ngọc Hân	26/08/2011	Nữ	18.75	
17	10A10	Cao Minh Hiếu	08/04/2011	Nam	18.75	
18	10A10	Võ Thị Tường Vi	04/12/2011	Nữ	18.75	
19	10A10	Đoàn Thị Thảo Ghi	10/06/2011	Nữ	18.75	
20	10A10	Đặng Trâm Anh	24/06/2011	Nữ	18.00	
21	10A10	Nguyễn Thị Ngọc Thắm	19/12/2011	Nữ	18.00	
22	10A10	Nguyễn Thanh Thảo	24/12/2011	Nữ	17.50	
23	10A10	Nguyễn Ngọc Lộc Thuận	10/02/2011	Nam	17.50	
24	10A10	Thái Hoàng Minh Khang	21/07/2011	Nam	17.00	
25	10A10	Trương Nguyễn Hoàng Anh	20/10/2011	Nam	16.75	
26	10A10	Đỗ Quyên Bảo Thuy	29/11/2011	Nữ	16.75	
27	10A10	Phan Hoàng Gia Bảo	01/08/2011	Nam	16.50	
28	10A10	Cù Dương Quỳnh Anh	19/09/2011	Nữ	16.25	
29	10A10	Đỗ Nguyễn Yến Nhi	08/12/2011	Nữ	16.00	
30	10A10	Lương Ngọc Trâm Anh	15/02/2011	Nữ	15.25	
31	10A10	Nguyễn Ngọc Kim Ngân	22/09/2011	Nữ	14.75	
32	10A10	Vũ Quang Hưng	16/11/2011	Nam	14.25	
33	10A10	Tổng Khánh Nhựt	23/07/2011	Nam	12.75	
34	10A10	Huỳnh Minh Mẫn	27/12/2011	Nam	12.50	
35	10A10	Huỳnh Thị Ngọc Giàu	27/09/2010	Nữ	11.75	
36	10A10	Nguyễn Thanh Nhựt	20/05/2011	Nam	11.50	
37	10A10	Phan Thị Như Thảo	05/07/2011	Nữ	11.00	

Danh sách có 37 học sinh



DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10A11 NĂM HỌC 2026-2027

HỆ: GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

Tổ hợp 4: Địa lý, GDKTPL, Vật lý, Công nghệ (trồng trọt)

Chuyên đề học tập: Toán, Ngữ văn, Địa lý

Stt	Lớp	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Giới tính	Tổng điểm	Ghi chú
1	10A11	Huỳnh Tuyết Ngân	18/06/2011	Nữ		Tuyển thẳng
2	10A11	Trần An Khang	23/03/2011	Nam		Tuyển thẳng
3	10A11	Kiều Thị Hồng Phương	05/11/2011	Nữ	25.00	
4	10A11	Hồ Phúc Đạt	11/01/2011	Nam	24.50	
5	10A11	Trần Minh Trí	13/02/2011	Nam	24.25	
6	10A11	Nguyễn Trường Minh Anh	14/06/2011	Nữ	22.50	
7	10A11	Bùi Thị Ngọc Duyên	03/06/2011	Nữ	22.25	
8	10A11	Nguyễn Gia Phát	14/07/2011	Nam	21.50	
9	10A11	Trương Quốc Thắng	30/06/2011	Nam	21.25	
10	10A11	Nguyễn Ngọc Minh Hằng	10/04/2011	Nữ	20.75	
11	10A11	Huỳnh Ngọc Yến Xuân	01/11/2011	Nữ	20.75	
12	10A11	Võ Quốc Lâm	17/09/2011	Nam	20.50	
13	10A11	Võ Thị Bích Ly	21/07/2011	Nữ	20.25	
14	10A11	Nguyễn Thị Thúy Nhi	23/03/2011	Nữ	20.25	
15	10A11	Nguyễn Huỳnh Minh Tú	13/08/2011	Nam	20.00	
16	10A11	Nguyễn Ngọc Kim Loan	19/10/2011	Nữ	19.75	
17	10A11	La Kim Linh	29/07/2011	Nữ	19.50	
18	10A11	Cù Ngọc Bảo Thy	17/10/2011	Nữ	19.50	
19	10A11	Lê Gia Bảo	29/07/2011	Nam	19.25	
20	10A11	Huỳnh Gia Hân	17/07/2011	Nữ	19.00	
21	10A11	Nguyễn Ngọc Gia Ân	10/09/2011	Nữ	18.75	
22	10A11	Nguyễn Hoàng Phát Huy	14/04/2011	Nam	18.50	
23	10A11	Nguyễn Minh Duy	24/06/2011	Nam	18.25	
24	10A11	Phan Minh Tấn	12/11/2011	Nam	18.00	
25	10A11	Doãn Phương Vy	16/02/2011	Nữ	17.50	
26	10A11	Võ Ngọc Thảo Hiền	19/09/2011	Nữ	17.25	
27	10A11	Nguyễn Hào Kiệt	25/12/2011	Nam	17.00	
28	10A11	Nguyễn Ngọc Quế Trân	30/10/2011	Nữ	16.75	
29	10A11	Lê Quốc Nam	04/02/2011	Nam	16.75	
30	10A11	Trần Ngọc Bảo Uyên	28/01/2011	Nữ	16.50	
31	10A11	Võ Hồng Phúc	24/12/2011	Nữ	16.50	
32	10A11	Phan Tấn Khang	14/02/2011	Nam	16.00	
33	10A11	Nguyễn Ngọc Gia Ý	10/09/2011	Nữ	16.00	
34	10A11	Võ Ánh Ngọc	16/07/2011	Nữ	15.75	
35	10A11	Phạm Thanh Nhân	03/12/2011	Nam	15.50	
36	10A11	Nguyễn Ngọc Kim Tuyền	19/09/2011	Nữ	15.25	
37	10A11	Nguyễn Chí Hùng	14/03/2011	Nam	15.00	
38	10A11	Nguyễn Hoài Phú Quốc	03/10/2011	Nam	14.50	
39	10A11	Lại Gia Bảo	02/07/2011	Nam	13.75	
40	10A11	Phạm Công Tâm	26/02/2011	Nam	13.25	
41	10A11	Trần Phú Trọng	03/06/2011	Nam	12.50	
42	10A11	Huỳnh Thanh Ngân	19/12/2011	Nữ	12.00	
43	10A11	Nguyễn Hồ Gia Khánh	28/06/2011	Nam	11.75	
44	10A11	Nguyễn Thị Yến Hương	22/09/2011	Nữ	11.50	
45	10A11	Nguyễn Tiến Phát	24/08/2011	Nam	11.00	

Danh sách có 45 học sinh



DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10A12 NĂM HỌC 2026-2027

HỆ: GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

Tổ hợp 4: Địa lý, GDKTPL, Vật lý, Công nghệ (trồng trọt)

Chuyên đề học tập: Toán, Ngữ văn, Địa lý

Stt	Lớp	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Giới tính	Tổng điểm	Ghi chú
1	10A12	Trương Võ Hồng Nhung	11/02/2011	Nữ	26.00	
2	10A12	Nguyễn Ngọc Phương Thùy	17/11/2011	Nữ	24.50	
3	10A12	Trương Tấn Lộc	17/03/2011	Nam	24.50	
4	10A12	Nguyễn Thành Tài	13/03/2011	Nam	24.50	
5	10A12	Trương Võ Hồng Gấm	11/02/2011	Nữ	23.75	
6	10A12	Trần Ngọc Thảo Vy	05/12/2011	Nữ	23.00	
7	10A12	Trần Hoàng Minh	29/09/2011	Nam	22.25	
8	10A12	Phan Nguyễn Tường Vy	17/12/2011	Nữ	22.25	
9	10A12	Lê Đăng Thảo Nguyên	24/05/2011	Nữ	21.50	
10	10A12	Nguyễn Chế Phong	26/04/2011	Nam	21.00	
11	10A12	Phạm Hồng Đào	20/01/2011	Nữ	20.75	
12	10A12	Phan Ngọc Huỳnh Trân	20/09/2011	Nữ	20.50	
13	10A12	Phạm Ngọc Tuyền	12/03/2011	Nữ	20.00	
14	10A12	Nguyễn Thị Yến Ngọc	26/04/2011	Nữ	19.75	
15	10A12	Phạm Ngọc Vàng	12/03/2011	Nữ	19.50	
16	10A12	Đinh Phước Quý	22/03/2011	Nam	19.25	
17	10A12	Nguyễn Thị Linh Nhi	01/04/2011	Nữ	19.25	
18	10A12	Trần Thị Trà My	07/11/2011	Nữ	19.00	
19	10A12	Hồ Vy Uyên Như	30/07/2011	Nữ	18.67	
20	10A12	Nguyễn Thị Yến Trang	01/02/2011	Nữ	18.50	
21	10A12	Phạm Trọng Khang	21/07/2011	Nam	18.25	
22	10A12	Nguyễn Hoàng Duy	14/05/2011	Nam	17.67	
23	10A12	Võ Ngọc Trân	04/11/2011	Nữ	17.50	
24	10A12	Võ Hồ Quỳnh Như	15/02/2011	Nữ	17.00	
25	10A12	Trương Minh Hiếu	31/12/2011	Nam	17.00	
26	10A12	Lê Trí Thiện	20/06/2011	Nam	16.75	
27	10A12	Nguyễn Tấn An	27/12/2011	Nam	16.50	
28	10A12	Nguyễn Ngọc Cẩm Nhung	15/07/2011	Nữ	16.33	
29	10A12	Nguyễn Thị Khánh Ngọc	06/03/2011	Nữ	15.75	
30	10A12	Nguyễn Ngọc Phương Trúc	02/05/2011	Nữ	15.25	
31	10A12	Phạm Gia Bảo	16/12/2011	Nam	15.00	
32	10A12	Nguyễn Ngọc Anh Thy	16/11/2011	Nữ	14.75	
33	10A12	Lê Phước Thịnh	20/08/2011	Nam	14.75	
34	10A12	Nguyễn Duy Khương	20/11/2011	Nam	14.50	
35	10A12	Võ Lê Kim Tuyền	16/03/2011	Nữ	14.50	
36	10A12	Phan Thị Tường Vy	30/08/2011	Nữ	14.00	
37	10A12	Nguyễn Mạnh Khương	27/10/2011	Nam	13.75	
38	10A12	Võ Nhựt Trường	24/09/2011	Nam	12.75	
39	10A12	Nguyễn Ngọc Hoài Thương	29/08/2011	Nữ	12.25	
40	10A12	Lê Văn Giàu	29/06/2011	Nam	11.83	
41	10A12	Võ Lê Xuân Nghi	09/06/2011	Nữ	11.50	
42	10A12	Võ Hồng Phương Vy	01/07/2011	Nữ	11.50	
43	10A12	Phan Đình Thái	22/10/2010	Nam	11.00	

Danh sách có 43 học sinh



DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10A13 NĂM HỌC 2026-2027

HỆ: GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

Tổ hợp 4: Địa lý, GDKTPL, Vật lý, Công nghệ (trồng trọt)

Chuyên đề học tập: Toán, Ngữ văn, Địa lý

Stt	Lớp	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Giới tính	Tổng điểm	Ghi chú
1	10A13	Phạm Quỳnh Anh	20/06/2011	Nữ	26.75	
2	10A13	Bùi Ngọc Trâm	04/01/2011	Nữ	26.00	
3	10A13	Lê Hoàng Bảo Khang	02/10/2011	Nam	26.00	
4	10A13	Nguyễn Thị Thùy Dương	02/07/2011	Nữ	24.25	
5	10A13	Nguyễn Trần Gia Tường	11/04/2011	Nam	23.25	
6	10A13	Võ Nguyễn Trọng Hiếu	20/03/2011	Nam	22.75	
7	10A13	Lê Quốc Bảo	29/07/2011	Nam	22.25	
8	10A13	Võ Anh Kiệt	01/09/2011	Nam	22.00	
9	10A13	Trần Hoàng Mỹ Quỳnh	25/11/2011	Nữ	21.50	
10	10A13	Nguyễn Thành Vinh	18/04/2011	Nam	21.50	
11	10A13	Phạm Minh Phú	12/07/2011	Nam	20.50	
12	10A13	Đinh Ngọc Ái Nhi	17/03/2011	Nữ	20.50	
13	10A13	Nguyễn Hoàng Phúc	06/09/2011	Nam	20.25	
14	10A13	Trần Thị Bích Trâm	12/07/2011	Nữ	19.75	
15	10A13	Hà Võ Song Hương	30/11/2011	Nữ	19.75	
16	10A13	Nguyễn Trần Huy Hoàng	27/04/2011	Nam	19.50	
17	10A13	Trần Công Vinh	08/09/2011	Nam	19.25	
18	10A13	Lê Minh Hiền	31/10/2011	Nam	19.00	
19	10A13	Trần Thị Yến Linh	30/11/2011	Nữ	18.75	
20	10A13	Trần Thị Cẩm Tú	07/07/2011	Nữ	18.75	
21	10A13	Trương Vĩnh Trọng	10/02/2011	Nam	18.50	
22	10A13	Huỳnh Duy Phúc	25/09/2011	Nam	18.50	
23	10A13	Nguyễn Ngọc Thùy Dương	04/02/2011	Nữ	18.25	
24	10A13	Nguyễn Hoài Anh	26/04/2011	Nam	17.50	
25	10A13	Trần Thiên Phú	22/07/2011	Nam	17.25	
26	10A13	Nguyễn Thị Diễm Hằng	08/01/2011	Nữ	17.00	
27	10A13	Nguyễn Tuấn Vũ	08/02/2010	Nam	17.00	
28	10A13	Nguyễn Thành Tài	10/08/2011	Nam	16.75	
29	10A13	Lê Ngọc Thương	13/03/2011	Nữ	16.75	
30	10A13	Võ Quốc Thịnh	09/05/2011	Nam	16.50	
31	10A13	Huỳnh Thanh Trúc	20/05/2011	Nữ	16.00	
32	10A13	Huỳnh Trường Thịnh	22/06/2011	Nam	15.75	
33	10A13	Nguyễn Quốc Kỳ	12/01/2011	Nam	15.25	
34	10A13	Nguyễn Thị Hồng Châu	02/10/2011	Nữ	15.00	
35	10A13	Huỳnh Thị Yến Nhi	14/08/2011	Nữ	14.50	
36	10A13	Nguyễn Ngọc Song Nhi	05/06/2011	Nữ	14.00	
37	10A13	Ngô Ái Phương	02/12/2011	Nữ	13.50	
38	10A13	Phạm Nguyễn Như Ý	24/02/2011	Nữ	12.75	
39	10A13	Huỳnh Tuấn Phát	04/04/2011	Nam	12.50	
40	10A13	Lê Thiện Phúc	08/06/2011	Nam	12.25	
41	10A13	Lê Ngọc Bảo Thy	05/11/2011	Nữ	11.75	
42	10A13	Phan Tuấn Kiệt	10/12/2011	Nam	11.50	
43	10A13	Mai Hồng Thắng	01/12/2011	Nam	11.25	
44	10A13	Ngô Hoàng Phúc	03/09/2011	Nam	11.00	
45	10A13	Huỳnh Nguyễn Hoàng Sang	10/09/2011	Nam	11.00	

Danh sách có 45 học sinh



DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10A14 NĂM HỌC 2026-2027

HỆ: GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

Tổ hợp 5: Địa lý, Âm nhạc, Công nghệ (thiết kế), Tin học

Chuyên đề học tập: Toán, Ngữ văn, Địa lý

Stt	Lớp	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Giới tính	Tổng điểm	Ghi chú
1	10A14	Lê Ngọc Gia Hân	14/05/2011	Nữ	23.25	
2	10A14	Nguyễn Văn Phú Quý	03/01/2011	Nam	23.00	
3	10A14	Nguyễn Ngọc Như Ý	24/09/2011	Nữ	22.50	
4	10A14	Nguyễn Tâm Như Ngọc	27/08/2011	Nữ	21.75	
5	10A14	Nguyễn Võ Khánh Thy	11/09/2011	Nữ	21.00	
6	10A14	Lưu Quốc Khánh	01/09/2011	Nam	20.75	
7	10A14	Võ Ngọc Huỳnh Hương	14/04/2011	Nữ	20.50	
8	10A14	Đoàn Thanh Tuyền	16/09/2011	Nữ	20.00	
9	10A14	Huỳnh Thị Thu Ngân	18/10/2011	Nữ	19.25	
10	10A14	Ngô Đoàn Quỳnh Như	04/03/2011	Nữ	19.00	
11	10A14	Nguyễn Trần Hà Vy	12/05/2011	Nữ	18.50	
12	10A14	Lê Hoàng Khang	04/04/2011	Nam	17.75	
13	10A14	Huỳnh Ngọc Xuân Nghi	26/12/2011	Nữ	17.75	
14	10A14	Nguyễn Ngọc Bảo Trân	23/09/2011	Nữ	17.75	
15	10A14	Lê Huỳnh Mai Vy	15/07/2011	Nữ	17.50	
16	10A14	Nguyễn Thị Thanh Huyền	08/10/2011	Nữ	17.25	
17	10A14	Phan Đoàn Châu Phát	02/09/2011	Nam	17.00	
18	10A14	Phạm Võ Thanh Lam	13/10/2011	Nữ	16.50	
19	10A14	Nguyễn Huỳnh Như Ngọc	24/04/2011	Nữ	16.25	
20	10A14	Đoàn Trọng Tín	02/06/2011	Nam	16.25	
21	10A14	Nguyễn Ngọc Thanh Trà	30/06/2011	Nữ	16.25	
22	10A14	Trần Nguyễn Xuân Nhi	24/02/2011	Nữ	16.00	
23	10A14	Nguyễn Thị Mạnh Hoàng	27/09/2011	Nữ	15.75	
24	10A14	Đỗ Minh Triển	25/02/2011	Nam	15.50	
25	10A14	Huỳnh Gia Huy	24/03/2011	Nam	15.25	
26	10A14	Mai Đỗ Khánh Ngân	23/12/2011	Nữ	14.50	
27	10A14	Nguyễn Huỳnh Gia Bảo	23/06/2011	Nam	14.25	
28	10A14	Trương Phú Quý	23/08/2011	Nam	14.25	
29	10A14	Nguyễn Hoàng Ngọc Phương	19/10/2011	Nam	13.75	
30	10A14	Nguyễn Hoàng Huy	16/03/2011	Nam	13.75	
31	10A14	Trương Nguyễn Huỳnh Trâm	09/08/2011	Nữ	13.25	
32	10A14	Đoàn Hoài Bảo	04/04/2011	Nam	13.25	
33	10A14	Trần Thái Nguyên	29/12/2011	Nam	13.25	
34	10A14	Phạm Thị Xuân Mai	10/03/2011	Nữ	13.00	
35	10A14	Phan Thanh Trường Quang	23/06/2011	Nam	13.00	
36	10A14	Nguyễn Thị Thanh Xuân	17/11/2011	Nữ	12.75	
37	10A14	Nguyễn Lâm Minh Tân	28/05/2011	Nam	12.75	
38	10A14	Nguyễn Anh Khoa	13/01/2011	Nam	12.75	
39	10A14	Nguyễn Phúc Gia Bảo	28/08/2011	Nam	12.75	
40	10A14	Trần Nguyễn Ngọc Nhung	08/11/2011	Nữ	12.50	
41	10A14	Nguyễn Dương Gia Bảo	11/04/2011	Nam	12.25	
42	10A14	Trần Kim Phát	07/03/2011	Nam	11.75	
43	10A14	Nguyễn Lâm Gia Thiện	04/08/2011	Nam	11.50	
44	10A14	Lê Huỳnh Khánh Dương	03/01/2011	Nữ	11.25	
45	10A14	Nguyễn Ngọc Bảo Trâm	30/10/2011	Nữ	11.25	

Danh sách có 45 học sinh



DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10A15 NĂM HỌC 2026-2027

HỆ: GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

Tổ hợp 6: Địa lý, GDKTPL, Công nghệ (trồng trọt), Tin học

Chuyên đề học tập: Toán, Ngữ văn, Lịch sử

Stt	Lớp	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Giới tính	Tổng điểm	Ghi chú
1	10A15	Đoàn Duy Khôi	15/04/2011	Nam	26.00	
2	10A15	Đặng Ngọc Hân	22/10/2011	Nữ	23.75	
3	10A15	Trịnh Thị Kim Tuyền	01/01/2011	Nữ	23.25	
4	10A15	Huỳnh Đoàn Hoài Anh	16/04/2011	Nữ	22.50	
5	10A15	Lê Hoàng Huy	23/10/2011	Nam	22.25	
6	10A15	Nguyễn Thái Như Ngọc	22/05/2011	Nữ	21.75	
7	10A15	Lê Thị Như Huỳnh	21/07/2011	Nữ	20.75	
8	10A15	Nguyễn Đỗ Kim An	27/04/2011	Nữ	20.25	
9	10A15	Võ Ngọc Phương Uyên	14/12/2011	Nữ	19.75	
10	10A15	Phạm Nguyễn Gia Viên	19/04/2011	Nữ	19.25	
11	10A15	Nguyễn Hoàng Phúc Thịnh	19/12/2011	Nam	19.00	
12	10A15	Lê Huỳnh Xuân Vy	15/07/2011	Nữ	18.75	
13	10A15	Trần Thị Kim Tuyền	18/05/2011	Nữ	18.50	
14	10A15	Nguyễn Ngọc Vân Khánh	26/11/2011	Nữ	18.00	
15	10A15	Trương Thanh Tuấn	06/10/2011	Nam	18.00	
16	10A15	Võ Trần Thanh Tuyền	20/10/2011	Nữ	18.00	
17	10A15	Trương Thị Hồng Trâm	07/04/2011	Nữ	17.75	
18	10A15	Trần Quốc Phú	27/02/2011	Nam	17.75	
19	10A15	Lại Gia Huy	28/08/2011	Nam	17.25	
20	10A15	Nguyễn Gia Bảo	09/02/2011	Nam	17.00	
21	10A15	Nguyễn Thị Hồng Ngân	09/06/2011	Nữ	16.50	
22	10A15	Lại Nguyễn Thảo Vy	14/04/2011	Nữ	16.25	
23	10A15	Nguyễn Phạm Đức Trung	06/11/2011	Nam	16.00	
24	10A15	Nguyễn Thị Thanh Nguyên	24/05/2011	Nữ	15.75	
25	10A15	Đoàn Thụy Ngọc Hà	01/01/2011	Nữ	15.75	
26	10A15	Đoàn Thanh Lộc	14/11/2011	Nam	15.50	
27	10A15	Nguyễn Lê Ngọc Tuyền	07/12/2011	Nữ	15.50	
28	10A15	Nguyễn Hoàng Gia Khang	19/12/2011	Nam	15.50	
29	10A15	Lê Khắc Thanh Huỳnh	23/12/2011	Nữ	15.25	
30	10A15	Lê Thị Anh Thư	27/12/2011	Nữ	15.00	
31	10A15	Nguyễn Ngọc Anh Thư	05/05/2011	Nữ	15.00	
32	10A15	Lê Nguyễn Cẩm Vân	15/10/2011	Nữ	14.75	
33	10A15	Nguyễn Thị Như Ý	15/06/2011	Nữ	14.50	
34	10A15	Nguyễn Ngọc Bảo Trân	05/03/2011	Nữ	14.25	
35	10A15	Nguyễn Thị Anh Thư	20/10/2011	Nữ	14.25	
36	10A15	Nguyễn Đức Phát	21/02/2011	Nam	13.75	
37	10A15	Nguyễn Hữu Tính	27/04/2011	Nam	13.50	
38	10A15	Huỳnh Thị Khánh Thi	22/11/2011	Nữ	13.25	
39	10A15	Huỳnh Ngọc Thy Trang	27/03/2011	Nữ	13.00	
40	10A15	Đoàn Thị Thanh Vân	23/11/2011	Nữ	12.75	
41	10A15	Võ Hoài An	19/11/2011	Nam	12.50	
42	10A15	Nguyễn Ngọc Tường Vy	09/06/2011	Nữ	12.25	
43	10A15	Lượng Thị Ngọc Hân	06/08/2011	Nữ	12.00	
44	10A15	Nguyễn Thành Nhân	06/08/2011	Nam	11.75	
45	10A15	Võ Minh Luân	03/08/2011	Nam	11.25	

Danh sách có 45 học sinh



DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10A16 NĂM HỌC 2026-2027

HỆ: GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

Tổ hợp 6: Địa lý, GDKTPL, Công nghệ (trồng trọt), Tin học

Chuyên đề học tập: Toán, Ngữ văn, Lịch sử

Stt	Lớp	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Giới tính	Tổng điểm	Ghi chú
1	10A16	Trần Minh Trí	08/06/2011	Nam	26.25	
2	10A16	Nguyễn Lê Trường An	21/04/2011	Nữ	23.50	
3	10A16	Trần Thị Kim Tiền	24/02/2011	Nữ	22.50	
4	10A16	Lê Nguyễn Phi Long	16/09/2011	Nam	22.00	
5	10A16	Nguyễn Tú Anh	20/11/2011	Nữ	21.00	
6	10A16	Trần Tuấn Anh	04/02/2011	Nam	20.50	
7	10A16	Lương Hoàng Thùy Trang	06/09/2011	Nữ	20.50	
8	10A16	Nguyễn Thị Xuân Mai	08/06/2011	Nữ	20.25	
9	10A16	Huỳnh Nguyễn Mai Khôi	21/05/2011	Nữ	19.50	
10	10A16	Đỗ Thảo Vy	14/12/2011	Nữ	19.25	
11	10A16	Võ Nguyễn Như Quỳnh	05/11/2011	Nữ	19.00	
12	10A16	Ngô Minh Trục	24/04/2011	Nam	18.75	
13	10A16	Trần Hoàng Yến	30/03/2011	Nữ	18.25	
14	10A16	Trần Hoàng Vy Thanh	11/05/2011	Nữ	18.00	
15	10A16	Bùi Ngọc Khánh Vy	15/07/2011	Nữ	18.00	
16	10A16	Nguyễn Hoàng Phúc Minh	30/08/2011	Nam	17.75	
17	10A16	Nguyễn Ngọc Thục Uyên	14/07/2011	Nữ	17.75	
18	10A16	Phan Tấn Duy	26/11/2011	Nam	17.75	
19	10A16	Lê Thị Kim Ngân	12/09/2011	Nữ	17.00	
20	10A16	Nguyễn Bảo Thy	21/09/2011	Nữ	17.00	
21	10A16	Phan Ngọc Thảo Nguyên	24/06/2011	Nữ	16.50	
22	10A16	Đỗ Nhựt Nam	28/05/2011	Nam	16.25	
23	10A16	Trần Ngọc Bảo Châu	25/10/2011	Nữ	16.00	
24	10A16	Nguyễn Thị Huyền Trân	08/11/2011	Nữ	15.75	
25	10A16	Đỗ Tấn Lộc	04/02/2011	Nam	15.50	
26	10A16	Đinh Hoàng Phương Vy	17/08/2011	Nữ	15.50	
27	10A16	Trần Thị Kim Ngân	18/05/2011	Nữ	15.50	
28	10A16	Văn Thị Yên Vi	18/04/2011	Nữ	15.25	
29	10A16	Huỳnh Bùi Như Ngọc	01/06/2011	Nữ	15.00	
30	10A16	Đinh Trần Mai Hương	20/08/2011	Nữ	14.75	
31	10A16	Nguyễn Phạm Khanh	05/03/2011	Nam	14.75	
32	10A16	Nguyễn Quốc Đại	22/12/2011	Nam	14.50	
33	10A16	Hồ Phương Thảo	17/11/2011	Nữ	14.25	
34	10A16	Nguyễn Ngọc An	22/06/2011	Nam	14.00	
35	10A16	Nguyễn Phúc Khang	20/05/2011	Nam	13.75	
36	10A16	Lê Hoàng Huy	08/10/2011	Nam	13.50	
37	10A16	Nguyễn Tấn Thuận	11/08/2011	Nam	13.25	
38	10A16	Phan Đình Thành Tài	28/07/2011	Nam	13.00	
39	10A16	Huỳnh Trần Bích Ngọc	08/06/2011	Nữ	12.75	
40	10A16	Trần Hạ Xuân Vy	12/04/2011	Nữ	12.50	
41	10A16	Lê Nguyễn Đông Như	27/07/2011	Nữ	12.25	
42	10A16	Nguyễn Thị Yên Nhi	04/02/2011	Nữ	11.75	
43	10A16	Huỳnh Anh Quốc	26/05/2011	Nam	11.25	
44	10A16	Cao Lê Long Thuận	20/01/2011	Nam	11.00	

Danh sách có 44 học sinh



DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10A17 NĂM HỌC 2026-2027

HỆ: GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

Tổ hợp 6: Địa lý, GDKTPL, Công nghệ (trồng trọt), Tin học

Chuyên đề học tập: Toán, Ngữ văn, Lịch sử

Stt	Lớp	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Giới tính	Tổng điểm	Ghi chú
1	10A17	Lê Ngọc Trúc Huỳnh	28/08/2011	Nữ	23.75	
2	10A17	Trần Nguyễn Phương Quỳnh	12/05/2011	Nữ	23.50	
3	10A17	Huỳnh Thị Khánh Ngân	30/03/2011	Nữ	23.00	
4	10A17	Nguyễn Ngọc Thảo	18/04/2011	Nữ	22.50	
5	10A17	Trần Duy Khánh	07/05/2011	Nam	21.75	
6	10A17	Đặng Quốc Đạt	12/07/2011	Nam	20.75	
7	10A17	Nguyễn Vy	08/05/2010	Nữ	20.00	
8	10A17	Đặng Trần Duy Khang	13/01/2011	Nam	19.25	
9	10A17	Đỗ Anh Quang	27/08/2011	Nam	19.25	
10	10A17	Phan Danh Tuấn Huy	27/02/2011	Nam	19.00	
11	10A17	Trương Thị Ngọc Tuyền	29/11/2011	Nữ	18.50	
12	10A17	Ngô Minh Tiến	06/08/2011	Nam	18.25	
13	10A17	Nguyễn Tường Vy	09/12/2011	Nữ	18.00	
14	10A17	Võ Ngọc Kim Thanh	05/09/2011	Nữ	18.00	
15	10A17	Phạm Thị Ngọc Như	29/07/2011	Nữ	17.75	
16	10A17	Nguyễn Ngọc Thanh Tuyền	11/01/2011	Nữ	17.75	
17	10A17	Trương Huỳnh Ngọc Như Ý	29/06/2011	Nữ	17.50	
18	10A17	Nguyễn Thị Huỳnh Như	24/07/2011	Nữ	17.00	
19	10A17	Trần Thị Ngọc Ngân	18/11/2011	Nữ	16.75	
20	10A17	Nguyễn Lưu Thảo My	16/10/2011	Nữ	16.50	
21	10A17	Bùi Thị Minh Thơ	27/04/2011	Nữ	16.00	
22	10A17	Phan Ngọc Phương Linh	05/03/2011	Nữ	15.75	
23	10A17	Phan Huy Hoàng	28/12/2011	Nam	15.75	
24	10A17	Nguyễn Ngọc Thùy Ngân	22/10/2011	Nữ	15.50	
25	10A17	Lượng Hoàng Kiệt	23/05/2011	Nam	15.25	
26	10A17	Nguyễn Ngọc Thiện	01/05/2011	Nam	15.00	
27	10A17	Nguyễn Võ Bảo Ngọc	15/09/2011	Nữ	15.00	
28	10A17	Võ Ngọc Tường Vy	25/01/2011	Nữ	14.75	
29	10A17	Võ Hoàng Minh Triết	01/01/2011	Nam	14.75	
30	10A17	Phan Hoàng Anh Tú	07/03/2011	Nam	14.50	
31	10A17	Nguyễn Thị Tuyết Ngân	07/05/2011	Nữ	14.25	
32	10A17	Nguyễn Hoàng Gia Hưng	24/07/2011	Nam	14.00	
33	10A17	Trần Nghi Hân	23/12/2011	Nữ	13.75	
34	10A17	Lâm Chí Dĩnh	06/07/2010	Nam	13.50	
35	10A17	Nguyễn Gia Huy	10/06/2011	Nam	13.25	
36	10A17	Nguyễn Võ Anh Thư	12/01/2011	Nữ	13.00	
37	10A17	Lê Đặng Gia Bảo	10/03/2011	Nam	12.50	
38	10A17	Lê Thị Yên Vy	04/03/2011	Nữ	12.25	
39	10A17	Ngô Quốc Kiệt	15/01/2011	Nam	11.75	
40	10A17	Nguyễn Kim Tuyền	11/07/2011	Nữ	11.25	
41	10A17	Huỳnh Nguyễn Anh Kiệt	22/06/2011	Nam	11.00	
42	10A17	Trần Thành Công	7/8/2010	Nam		Học lại lớp 10

Danh sách có 42 học sinh